TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 47/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 15-7-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vui

2. Ông Võ Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Cao Thanh Nam - *Kiểm sát viên*

Ngày 15 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2023/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chung Nữ Thị H, sinh năm: 1990

Hộ khẩu thường trú: Tổ 7, ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh

Có mặt tại phiên tòa

-Bị đơn: Ông Trần Xuân Q, sinh năm: 1980

Địa chỉ: khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Chung Nữ Thị H trình bày:

Bà H và ông Trần Xuân Q là vợ chồng tự nguyện kết hôn vào năm 2011 tại Uỷ

ban nhân dân thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà H xin ly hôn với ông Q

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Trần Chung Quang, sinh ngày 25/02/2011 và Trần Bảo Uyên, sinh ngày 01/9/2017. Khi ly hôn bà H xin nuôi người con tên Trần Bảo Uyên và để ông Q nuôi con tên Trần Chung Quang. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà H không mang thai.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ: Không có

Bị đơn ông Trần Xuân Q vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Căn cứ bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Xuân Q trình bày:

Ông Q và bà H là vợ chồng đã tự nguyện kết hôn vào năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà H xin ly hôn với ông Q thì ông Q cũng đồng ý ly hôn với bà H

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Trần Chung Quang, sinh ngày 25/02/2011 và Trần Bảo Uyên, sinh ngày 01/9/2017. Khi ly hôn bà H xin nuôi người con tên Trần Bảo Uyên và để ông Q nuôi con tên Trần Chung Quang. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con thì ông Q cũng đồng ý theo như yêu cầu của bà H. Vợ chồng ông Q không nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà H không mang thai.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ: Không có

+Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chung Nữ Thị H.

- Về hôn nhân: Cho bà Chung Nữ Thị H được ly hôn với ông Trần Xuân Q.

- Về con chung: Giao con tên Trần Bảo Uyên, sinh ngày 01/9/2017. cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con tên Trần Chung Quang, sinh ngày 25/02/2011 cho Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Q không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn bà Chung Nữ Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh đề nghị giải quyết ly hôn với ông Trần Xuân Q. Xét thấy ông Q có nơi cư trú tại khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bà H và ông Q tự nguyện đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 16/8/2011 của Uỷ ban nhân dân thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông Q đều trình bày vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà H và ông Q đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định không còn tình cảm với ông Q. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Q cũng thừa nhận giữa bà H và ông Q xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau, do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay bà H xin ly hôn thì ông Q cũng đồng ý ly hôn với bà H.

Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Q đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4]. Về con chung: Bà H và ông Q có 02 người con tên Trần Chung Quang, sinh ngày 25/02/2011 và Trần Bảo Uyên, sinh ngày 01/9/2017. Khi ly hôn bà H xin nuôi người con tên Trần Bảo Uyên và để ông Q nuôi con tên Trần Chung Quang. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con thì ông Q cũng đồng ý theo như yêu cầu của bà H. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà H không mang thai. Nên giao con Trần Bảo Uyên cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con tên Trần Chung Quang cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà H phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

[8]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chung Nữ Thị H;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Chung Nữ Thị H được ly hôn với ông Trần Xuân Q.

2. Về con chung: Giao con tên Trần Bảo Uyên cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con tên Trần Chung Quang cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Q không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Chung Nữ Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0010245 ngày 01/02/2023.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Thuận;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Tú